
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|--|-----------------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 – 4 |
| Báo cáo kết quả công tác soát xét | 5 – 6 |
| Báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét | 7 – 41 |
| <i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</i> | <i>07 – 10</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i> | <i>11</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i> | <i>12 – 13</i> |
| <i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i> | <i>14 – 41</i> |



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201282851 ngày 05 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 05 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 27 tháng 08 năm 2019 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 05: 180.000.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại : 0225 3 979 952
Fax : 0225 3 979 951
Email : hhppaper@gmail.com
Mã số thuế : 0 2 0 1 2 8 2 8 5 1

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 41.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám Đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm, miễn nhiệm |
|------------------------|----------|--------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Thủy | Chủ Tịch | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 06 năm 2020 |
| Ông Trần Kim Gia | Chủ Tịch | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 06 năm 2020 |
| Bà Trần Thị Thu Phương | Ủy viên | |
| Ông Nguyễn Trung Thành | Ủy Viên | |
| Bà Nguyễn Thị Ngân | Ủy Viên | |
| Ông Nguyễn Huy Long | Ủy Viên | |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ |
|------------------------|-------------------|
| Bà Trần Thị Thu Phương | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Vinh Quang | Phó Tổng Giám đốc |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ |
|----------------|------------|
| Đào Thị Ngân | Trưởng ban |
| Đinh Thị Hồng | Thành viên |
| Bà Đỗ Thị Vươn | Thành viên |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

102
C
ÍCH
KII
HÀ
/e

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Phương

330
ÔN
NHÌ
ỀM
N T
Đ/

Số : 3006.01.01/2020/BCTC-NVT2
Ngày : 12 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Kính gửi : **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2020 từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

Y
DU
H
ÁN
VIỆ
P

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 146.523.774.175 | 116.614.062.706 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 871.104.553 | 4.358.770.697 |
| 1. Tiền | 111 | | 871.104.553 | 4.358.770.697 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 3.185.000.000 | 1.100.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 3.185.000.000 | 1.100.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 114.120.779.173 | 85.180.221.602 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 56.548.921.803 | 41.080.097.472 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 26.528.931.035 | 14.365.658.755 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 31.042.926.335 | 29.734.465.375 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 28.098.326.663 | 25.897.210.420 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 28.098.326.663 | 25.897.210.420 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 248.563.786 | 77.859.987 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 248.563.786 | 77.859.987 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 161.961.913.050 | 166.354.085.002 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 33.968.709.295 | 33.968.709.295 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.8 | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 21.968.709.295 | 21.968.709.295 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 64.577.137.979 | 68.833.337.605 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 31.281.612.033 | 33.402.631.661 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 53.563.531.787 | 53.563.531.787 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (22.281.919.754) | (20.160.900.126) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.10 | 33.295.525.946 | 35.430.705.944 |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | 38.711.302.633 | 38.711.302.633 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | (5.415.776.687) | (3.280.596.689) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2b | 62.600.000.000 | 62.600.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 48.000.000.000 | 48.000.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 14.300.000.000 | 14.300.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 300.000.000 | 300.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 816.065.776 | 952.038.102 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 816.065.776 | 952.038.102 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 308.485.687.225 | 282.968.147.708 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 105.694.644.038 | 89.386.389.456 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 96.318.054.888 | 77.132.826.202 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 19.031.783.648 | 16.682.606.280 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 80.182.879 | 80.182.879 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 4.053.644.876 | 3.966.429.497 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 795.085.359 | 422.358.250 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14 | - | 85.215.662 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15 | 15.970.495 | 314.914.705 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.16a | 69.836.654.491 | 54.214.165.791 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.17 | 2.504.733.140 | 1.366.953.138 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 9.376.589.150 | 12.253.563.254 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.18 | 610.803.445 | 725.329.093 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.16b | 8.765.785.705 | 11.528.234.161 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 202.791.043.187 | 193.581.758.252 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 202.791.043.187 | 193.581.758.252 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 180.000.000.000 | 180.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 180.000.000.000 | 180.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 2.898.318.140 | 1.443.688.139 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 19.892.725.047 | 12.138.070.113 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 9.228.810.110 | 1.284.932.656 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 10.663.914.937 | 10.853.137.457 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 308.485.687.225 | 282.968.147.708 |

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Lan

Trịnh Thị Hương

Trần Thị Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 107.440.330.934 | 94.200.127.278 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 31.034.600 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 107.440.330.934 | 94.169.092.678 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 94.312.871.164 | 83.252.538.978 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 13.127.459.770 | 10.916.553.700 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 4.475.175.726 | 4.964.949.166 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 3.208.617.741 | 2.918.875.518 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 2.940.883.078 | 2.827.655.160 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 745.155.781 | 957.752.292 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 1.094.722.081 | 1.158.354.153 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 12.554.139.893 | 10.846.520.903 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 164.859.390 | 3.181.818 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 183.284.489 | 210.060.089 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (18.425.099) | (206.878.271) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 12.535.714.794 | 10.639.642.632 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.9 | 1.871.799.857 | 1.274.181.126 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>10.663.914.937</u> | <u>9.365.461.506</u> |

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Lan

Trịnh Thị Hương

Trần Thị Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------|----------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 110.393.891.386 | 85.540.005.658 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (130.475.354.445) | (65.505.486.194) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (2.448.627.230) | (2.978.257.051) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (3.026.098.740) | (2.730.973.027) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | (2.006.324.265) | (1.004.309.154) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 20.149.420.390 | 8.903.780.579 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (7.950.883.615) | (11.878.837.375) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (15.363.976.519) | 10.345.923.436 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | (302.250.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 19.069.081.811 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (2.585.000.000) | (18.700.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 500.000.000 | 7.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (150.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.099.065.167 | 5.082.450.494 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (985.934.833) | 11.999.282.305 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 86.110.260.231 | 50.954.170.367 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (70.418.259.513) | (69.478.732.360) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | (2.831.960.474) | (1.290.033.046) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 12.860.040.244 | (19.814.595.039) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (3.489.871.108) | 2.530.610.702 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 4.358.770.697 | 401.851.756 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 2.204.964 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 871.104.553 | 2.932.462.458 |

Lập ngày 12 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hương

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì
Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bì giấy nhãn và giấy bì;
 - Sản xuất bột giấy, giấy và bì;
 - Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Sản xuất giấy viết, giấy in, giấy tráng phan;
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Giấy, bì carton, giấy tráng phan;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, nguyên liệu làm giấy;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Máy móc, thiết bị ngành giấy. Thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động;
 - In ấn;
 - Dịch vụ liên quan đến in;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: Nhựa đường, than đá và nhiên liệu rắn khác, dầu thô, xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
 - Pho to, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu./.

4. **Số người lao động đến 30 tháng 06 năm 2020: 63 người**

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** Trong vòng 12 tháng

6. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty con:

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp thực tế | Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD |
|--------------------------------------|--|-----------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam | KCN Đồng Văn I, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | 80% | 80% |

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2019 và số liệu trên BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

ii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10-20 |
| Máy móc và thiết bị | 05-20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05-06 |

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 06 |
| Máy móc thiết bị | 02 - 15 |

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

BCC được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Khi nhận tiền, tài sản của các các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

02
CỔ
ÁCH
KIẾ
HẢI
10

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo qui định chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “ Chi phí đi vay”.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 577.487.157 | 525.226.351 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 293.617.396 | 3.833.544.346 |
| <i>Ngân hàng TMCP Bắc Á</i> | - | 501.775 |
| <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i> | 55.589.621 | 3.515.421.837 |
| <i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong</i> | 2.957.651 | 3.759.558 |
| <i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</i> | 161.385.332 | 87.136.494 |
| <i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam</i> | 73.684.792 | 226.724.682 |
| Cộng | 871.104.553 | 4.358.770.697 |

2. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tiền gửi có kỳ hạn(*) | 3.185.000.000 | - | 1.100.000.000 | - |
| Cộng | 3.185.000.000 | - | 1.100.000.000 | - |

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng, bao gồm:

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 6,5%/ năm kỳ hạn 12 tháng, kể từ ngày 29/5/2019.

+ Số tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công số tiền: 2.585.000.000 đồng, kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4,25%/năm. Số tiết kiệm trên đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công.

b. Đầu tư tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 48.000.000.000 | - | 48.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam (a) | 48.000.000.000 | - | 48.000.000.000 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 14.300.000.000 | - | 14.300.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nhân Verco (b) | 300.000.000 | - | 300.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà (c) | 14.000.000.000 | - | 14.000.000.000 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 300.000.000 | - | 300.000.000 | - |
| Trái phiếu (d) | 300.000.000 | - | 300.000.000 | - |
| Cộng | 62.600.000.000 | - | 62.600.000.000 | - |

(a) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0700219848 lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 09 tháng 09 năm 2019 về việc thay đổi vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam là 48.000.000.000 VND, chiếm 80% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(b) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0108771752 lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 06 năm 2019, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng cam kết đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nhân Verco là 300.000.000 VND, tương đương 1,2% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

(c) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0108828180 cấp lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 18 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà là 14.000.000.000 VND, tương đương 14% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết. Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Hoàng Hà hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

(d) Tiền đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ngô Quyền số tiền: 300.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, kỳ hạn: 10 năm kể từ ngày 10/07/2019.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>10.137.154.195</i> | <i>8.024.036.145</i> |
| Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc | 6.304.902.465 | 5.244.603.845 |
| Công ty Cổ phần Giấy Tì Châu | 3.832.251.730 | 2.779.432.300 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>46.411.767.608</i> | <i>33.056.061.327</i> |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm | 8.190.165.108 | 5.622.504.520 |
| Công ty TNHH Đầu Tư Palm | 6.440.323.670 | - |
| Công ty Cổ phần giấy Hải Phòng | 4.613.641.290 | - |
| Công ty TNHH Bao bì Quốc Tế B & B | 4.414.671.600 | 3.461.731.800 |
| Công ty TNHH Ngọc Minh Khuê | 3.572.347.315 | - |
| Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hải Phúc | 3.509.878.680 | 3.509.878.608 |
| Công ty TNHH Thương mại Quân Phong | - | 4.352.924.321 |
| Công ty Cổ phần Tổng Công ty DuLico | 1.803.255.090 | 3.271.256.705 |
| Các khách hàng khác | 13.867.484.855 | 12.837.765.373 |
| Cộng | <u>56.548.921.803</u> | <u>41.080.097.472</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Trường Linh | 16.578.416.000 | 12.578.416.000 |
| Công ty TNHH Đầu Tư Palm | 9.932.981.035 | - |
| Công ty Cổ phần Tổng Công ty DuLico | - | 1.700.132.955 |
| Các nhà cung cấp khác | 17.534.000 | 87.109.800 |
| Cộng | <u>26.528.931.035</u> | <u>14.365.658.755</u> |

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn dài hạn khác

a) Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 15.364.176.522 | - | 15.287.889.227 | - |
| Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc | 364.176.522 | - | 287.889.227 | - |
| Phải thu tiền đặt cọc- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy (1) | 8.000.000.000 | - | 8.000.000.000 | - |
| Phải thu tiền đặt cọc- Ông Nguyễn Trần Nhật Đức (2) | 7.000.000.000 | - | 7.000.000.000 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 15.678.749.813 | - | 14.446.576.148 | - |
| Tạm ứng (3) | 6.003.615.884 | - | 8.128.550.018 | - |
| Phải thu tiền đặt cọc- Bà Vũ Thị Hằng (4) | 6.000.000.000 | - | 6.000.000.000 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác của Chailease (Tiền thuế GTGT tài sản thuê tài chính) | 256.472.682 | - | 318.026.130 | - |
| Lợi nhuận từ Công ty con | 3.360.000.000 | - | - | - |
| Đặt cọc trả chậm của Chailease | 58.661.247 | - | - | - |
| Cộng | 31.042.926.335 | - | 29.734.465.375 | - |

(1) Là khoản đặt cọc để mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà Nguyễn Thị Thu Thủy tại địa chỉ lô 3+1/2 lô 4, TT nhà hát kịch phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để tiếp tục thế chấp tại ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Ngô Quyền theo văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng.

(2) Là khoản đặt cọc mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA188371 cấp ngày 21/09/2015 tại địa chỉ số 45 tổ Thủ Lệ, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội mang tên bà Trần Thị Thu Phương và Ông Nguyễn Trần Nhật Đức. Khoản đặt cọc để mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 467332, số vào sổ cấp GCN: CH-01264 do UBND Quận Hà Đông cấp ngày 17/10/2014 cho chủ sở hữu là Bà Trần Thị Thu Phương và con là Ông Nguyễn Trần Nhật Đức để thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng.

(3) Phần lớn là các khoản tạm ứng cho các trạm thu mua giấy phế liệu, phát sinh tạm ứng bổ sung và hoàn ứng bằng nguyên vật liệu liên tục trong năm.

(4) Là khoản đặt cọc mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 279278, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 145.BĐ.2008 288. QĐUB.2008 do Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Địa chỉ số 29 tổ 65 Trung tâm thí nghiệm điện, phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội của Ông Trần Quốc Khánh và Bà Vũ Thị Hằng để tiếp tục thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương- Chi nhánh Thành Công theo văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng.

1020
CỔ
ÁCH N
KIẾ
HÂN
G 8

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

b) Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 21.968.709.295 | - | 21.968.709.295 | - |
| Hợp tác kinh doanh - Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà (*) | 20.000.000.000 | - | 20.000.000.000 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 1.968.709.295 | - | 1.968.709.295 | - |
| Cộng | 21.968.709.295 | - | 21.968.709.295 | - |

(*) Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2109/2017/HĐHTKD ngày 21/9/2017. Theo đó hai bên hợp tác thực hiện dự án “Mở rộng và chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất 3.523,3 m² tại địa chỉ phố An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng”, là đất do Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đứng tên chủ sở hữu. Cụ thể Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng sẽ góp vốn để Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tổ chức triển khai việc mở rộng diện tích thêm phần còn lại của cả Khu đất với diện tích 3.278,6m² và chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở, sau đó phân lô, bán nền và thu hồi vốn đầu tư. Tổng giá trị hợp tác đầu tư là 20.000.000.000 VNĐ tương ứng 45% tổng chi phí của dự án. Khi dự án có doanh thu, Công ty sẽ thu hồi vốn đầu tư tương đương 40% doanh thu thu được hàng tháng và 45% tổng lợi nhuận sau thuế sau khi kết thúc dự án.

Công ty TNHH Tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với 02 công trình trên đất là Nhà kho (DTXD 877,5m²) và Nhà văn phòng, làm việc (DTXD 111,8m²; DTSD 226,8m²) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE792947 ngày 7/2/2018. Văn bản số 470/SXD_QHKT ngày 6/2/2018 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng đã xác nhận khu đất trên được quy hoạch là đất ở. Ngày 22/6/2018 UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3095/VP-ĐC2 gửi Sở Xây dựng và UBND quận Hồng Bàng để kiểm tra cụ thể về nguồn gốc đất đai; Ngày 05/7/2018 UBND quận Hồng Bàng có Văn bản 875/UBND-TN&MT; Ngày 17/7/2018 UBND thành phố Hải Phòng có Văn bản số 4395/UBND-ĐC2 giao Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo. Ngày 25/7/2018 Sở Xây dựng đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan thống nhất đề nghị UBND thành phố cho phép đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở thương mại, đồng thời có văn bản số 2739/SXD-QHKT ngày 03/8/2018 gửi UBND thành phố Hải Phòng về việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án phát triển nhà tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng. Ngày 28/9/2018, UBND thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 4561/VP-QH gửi Sở Xây dựng về việc kiểm tra sự phù hợp của dự án. Ngày 18/7/2019, UBND thành phố Hải Phòng có Văn bản số 4296/UBND-XD gửi Sở Xây dựng yêu cầu kiểm tra, đề xuất, báo cáo UBND thành phố. Ngày 06/8/2019, Sở Xây dựng đã có Văn bản số 3255/SXD-QHKT gửi UBND thành phố Hải Phòng báo cáo về việc đã đưa dự án phát triển nhà tại đường An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng của Công ty vào kế hoạch để trình duyệt kỳ này. Ngày 16/10/2019, Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3610/VP-XD gửi Sở Xây dựng yêu cầu giải trình, làm rõ một số nội dung để trình lãnh đạo UBND thành phố xem xét, quyết định. Ngày 04/11/2019, Sở Xây dựng đã có Văn bản số 4831/SXD-QHKT gửi Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng và ngày 25/11/2019 vừa qua Ban cán sự đảng UBND thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 756/CV-BCS gửi thường trực Thành ủy xin chấp thuận về mặt chủ trương. Đến nay, dự án vẫn đang được Công ty TNHH Tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tích cực phối hợp với các Ban ngành có liên quan triển khai theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

384
NG
HIỆM
M T
TÀI
A -

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 19.937.176.060 | - | 19.976.791.423 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 278.671.750 | - | 397.702.474 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.098.085.332 | - | 1.625.459.195 | - |
| Thành phẩm | 4.739.821.592 | - | 3.897.257.328 | - |
| Hàng hóa | 2.044.571.929 | - | - | - |
| Cộng | 28.098.326.663 | - | 25.897.210.420 | - |

7. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|--------------------|-------------------|
| Công cụ dụng cụ | - | 77.859.987 |
| Chi phí bảo hiểm | 91.417.334 | - |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 157.146.452 | - |
| Cộng | 248.563.786 | 77.859.987 |

b) Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Tiền thuê đất | 301.340.891 | 387.438.293 |
| Công cụ dụng cụ | 73.804.893 | 44.037.272 |
| Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ thuê tài chính | 239.235.362 | 301.644.590 |
| Chi phí sửa chữa | 55.757.581 | 70.303.033 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 145.927.049 | 148.614.914 |
| Cộng | 816.065.776 | 952.038.102 |

8. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam (Công ty con) vay với lãi suất 9%/năm theo Hợp đồng cho vay số 3005/2018/HD/HP-HNA ngày 30/05/2018. Thời hạn vay 36 tháng. Tổng số tiền cho vay là 12.000.000.000 VND.

82-
TY
HỮU
OÁN
I VII
I.P

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

ÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
án thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | 18.068.470.367 | 31.899.755.945 | 3.595.305.475 | 53.563.531.787 |
| Số đầu năm | 18.068.470.367 | 31.899.755.945 | 3.595.305.475 | 53.563.531.787 |
| Số cuối kỳ | - | 412.397.000 | 618.769.105 | 1.031.166.105 |
| Trong đó: | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | | | | |
| Giá trị hao mòn | 6.100.843.495 | 12.196.660.000 | 1.863.396.631 | 20.160.900.126 |
| Số đầu năm | 477.963.150 | 1.412.822.618 | 230.233.860 | 2.121.019.628 |
| Khấu hao trong kỳ | 6.578.806.645 | 13.609.482.618 | 2.093.630.491 | 22.281.919.754 |
| Số cuối kỳ | | | | |
| Giá trị còn lại | 11.967.626.872 | 19.703.095.945 | 1.731.908.844 | 33.402.631.661 |
| Số đầu năm | 11.489.663.722 | 18.290.273.327 | 1.501.674.984 | 31.281.612.033 |
| Số cuối kỳ | | | | |

ột số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 31.300.118.732 VND và 18.994.033.939 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thành Đô.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

| | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số đầu năm | 38.711.302.633 | 38.711.302.633 |
| Số cuối kỳ | 38.711.302.633 | 38.711.302.633 |
| Giá trị hao mòn | | |
| Số đầu năm | 3.280.596.689 | 3.280.596.689 |
| Khấu hao trong kỳ | 2.135.179.998 | 2.135.179.998 |
| Số cuối kỳ | 5.415.776.687 | 5.415.776.687 |
| Giá trị còn lại | | |
| Số đầu năm | 35.430.705.944 | 35.430.705.944 |
| Số cuối kỳ | 33.295.525.946 | 33.295.525.946 |

11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------|------------------------------|-----------------------|------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| Phải trả các bên liên quan | 3.902.597.370 | 3.902.597.370 | 1.897.723.190 | 1.897.723.190 |
| Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam | - | - | 1.897.723.190 | 1.897.723.190 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Hoàng Hà | 3.902.597.370 | 3.902.597.370 | - | - |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 15.129.186.278 | 15.129.186.278 | 14.784.883.090 | 14.784.883.090 |
| Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease | 2.757.078.619 | 2.757.078.619 | - | - |
| Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà | 1.677.431.940 | 1.677.431.940 | - | - |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Thành Thắng | 1.644.553.664 | 1.644.553.664 | 1.374.489.600 | 1.374.489.600 |
| Nippon materio Co. Ltd | 1.324.640.005 | 1.324.640.005 | - | - |
| Hanwa Singapore (PTE) LTC | 1.126.515.498 | 1.126.515.498 | 2.217.382.672 | 2.217.382.672 |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư An Minh | 1.113.401.465 | 1.113.401.465 | 1.673.024.320 | 1.673.024.320 |
| MARUBENI CORPORATION | - | - | 2.457.009.828 | 2.457.009.828 |
| Các nhà cung cấp khác | 5.485.565.087 | 5.485.565.087 | 7.062.976.670 | 7.062.976.670 |
| Cộng | 19.031.783.648 | 19.031.783.648 | 16.682.606.280 | 16.682.606.280 |

12. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Trả trước của các khách hàng khác | 80.182.879 | 80.182.879 |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Giao Nhận Topasia | 59.336.979 | 59.336.979 |
| WELL FRESH CO., LTD | 20.845.900 | 20.845.900 |
| Cộng | 80.182.879 | 80.182.879 |

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã thực nộp trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 2.023.556.041 | 3.211.653.362 | (2.975.513.575) | 2.259.695.828 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 1.733.925.925 | (1.733.925.925) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.928.473.456 | 1.871.799.857 | (2.006.324.265) | 1.793.949.048 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 14.400.000 | - | (14.400.000) | - |
| Thuế môn bài | - | 4.000.000 | (4.000.000) | - |
| Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | - | 3.344.814 | (3.344.814) | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 182.391.079 | (182.391.079) | - |
| Cộng | <u>3.966.429.497</u> | <u>7.007.115.037</u> | <u>(6.919.899.658)</u> | <u>4.053.644.876</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Chi tiết tại thuyết minh VI.9

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|--------------------------|
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | - | 85.215.662 |
| Chi phí lãi vay phải trả | - | 85.215.662 |
| Cộng | - | <u>85.215.662</u> |

15. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------------|---------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | 273.600.000 |
| Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát | - | 273.600.000 |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | 15.970.495 | 41.314.705 |
| Kinh phí công đoàn | 15.970.495 | 41.314.705 |
| Cộng | <u>15.970.495</u> | <u>314.914.705</u> |

TRẮC
K
NH
ÔNG

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 69.836.654.491 | 69.836.654.491 | 54.214.165.791 | 54.214.165.791 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 64.311.757.579 | 64.311.757.579 | 48.619.756.861 | 48.619.756.861 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (a) | 17.903.689.814 | 17.903.689.814 | 28.610.653.476 | 28.610.653.476 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (b) | 2.488.181.300 | 2.488.181.300 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (c) | 23.978.116.218 | 23.978.116.218 | 15.909.004.021 | 15.909.004.021 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam(d) | 19.941.770.247 | 19.941.770.247 | 4.100.099.364 | 4.100.099.364 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả | 5.524.896.912 | 5.524.896.912 | 5.594.408.930 | 5.594.408.930 |
| Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease- Chi nhánh Hà Nội | 5.524.896.912 | 5.524.896.912 | 5.594.408.930 | 5.594.408.930 |
| Cộng | 69.836.654.491 | 69.836.654.491 | 54.214.165.791 | 54.214.165.791 |

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng cho vay hạn mức Số: 01/2020-HĐCVHM/NHCT168- HOANGHA ngày 17 tháng 07 năm 2020. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168- HOANGHA ngày 31 tháng 03 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng đính kèm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức với tổng mức dư nợ vay VND theo Hợp Đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 20.000.000.000 VNĐ. Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức là kể từ ngày 17/07/2020 đến hết ngày 16/07/2021. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên giấy nhận nợ không vượt quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi các hợp đồng đảm bảo sau:

(1) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015-TCBĐS-HHHP ngày 02/11/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 45 tổ Thủ Lệ, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA188371 cấp ngày 21/09/2015 mang tên bà Trần Thị Thu Phương.

(2) Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/HĐTC ngày 15/01/2013. Tài sản thế chấp là toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Thu Thủy tại địa chỉ lô 3+1/2 lô 4, TT nhà hát kịch phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Theo văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ-03/HĐTC/2013 ngày 18/12/2013.

(3) Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 07/01/2013. Tài sản thế chấp là xe ô tô con hiệu Kia Forte biển số 30S-5906; đăng ký xe ô tô số 105799 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 21/07/2009 cho bà Trần Thị Thu Phương.

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(4) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/VKT/HĐTC/2012 ngày 24/12/2012. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc trên 8.890 m² đất thuê tại phường Đông Hải, Hải An, Hải Phòng. Văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 02/SĐ-02/DCMMTB/HĐTC/2012 ngày 18/02/2014.

(5) Hợp đồng thế chấp hàng hóa bổ sung số 01/2014-HĐTCHH ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa được hình thành từ vốn vay đang được đi đường hoặc được giữ tại kho hàng của đơn vị tại số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng hoặc tại bất kỳ kho hàng nào khác (tại hiện tại hoặc trong lai) được sử dụng để chứa hàng hóa được phản ánh trong sổ sách kế toán hoặc chùng từ kho hàng.

+ Các quyền lợi ích của đơn vị phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản đã nêu trên.

+ Tất cả các quyền đòi nợ, quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà đơn vị có thể nhận được sau thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực để mua bán, trao đổi, cho thuê, thay đổi, thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến bất kỳ tài sản nào được đề cập nêu trên.

(6) Hợp đồng thế chấp tài sản bổ sung số 01/2014-HĐTCQTS ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là các quyền tài sản của đơn vị từ toàn bộ các khoản phải thu được hình thành từ vốn vay tại mọi thời điểm phát sinh dưới hình thức các Hợp đồng kinh tế và các hình thức ký kết văn bản khác.

(b) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 113/2019/HĐTD/CNM/03 ngày 02 tháng 01 năm 2020. Hạn mức tín dụng 2.500.000.000 VNĐ. Mục đích vay để bổ sung cố lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, phát hành LC các loại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy các loại. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng 12 tháng từ ngày 02/01/2020 đến ngày 02/01/2021, lãi suất cho vay quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ.

(c) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/19/HM/14185005 ký ngày 20/06/2019 và số 02/19/HM/14185005 ký ngày 19/12/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công. Tổng mức dư nợ vay tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá Hạn mức Cho vay là 25.000.000.000 đồng. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo từng thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn Cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:

(1) Sổ tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công số tiền: 2.585.000.000 đồng. Theo hợp đồng cầm cố sổ tiết kiệm số 01/2020HHP ngày 10 tháng 06 năm 2020.

(2) Nhà kho và văn phòng làm việc hình thành trên đất của Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101149782 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/06/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2017 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 792947 do Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/11/2016.

(3) Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 279278, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 145.BĐ.2008 288. QĐUB.2008 do Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Địa chỉ số 29 tổ 65 Trung tâm thí nghiệm điện, phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. Chủ sở hữu là ông Trần Quốc Khánh và vợ là bà Vũ Thị Hằng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở ngày 13/12/2019.

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(4) Thế chấp hàng hóa luân chuyển và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐTC-TSBĐS ngày 20/06/2019 và hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa khách hàng và ngân hàng.

(d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01/2020/7607651 ký ngày 05 tháng 05 năm 2020. Hạn mức tối đa là 50.000.000.000 VND và ngoại tệ quy đổi bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/7607651/HĐTD ngày 28/05/2019. Mục đích để bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/4/2021, lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:

(1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 467332, số vào sổ cấp GCN: CH-01264 do UBND Quận Hà Đông cấp ngày 17/10/2014 cho chủ sở hữu là Bà Trần Thị Thu Phương và con là Ông Nguyễn Trần Nhật Đức.

(2) Tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 30F-23947 nhãn hiệu Mazda loại xe ô tô du lịch 05 chỗ ngồi năm sản xuất 2018.

(3) Tài sản đảm bảo khoản vay là Hệ thống lò hơi tầng sôi, công suất sinh hơi 9 tấn/giờ, trị giá tài sản thế chấp 4.270.000.000 VNĐ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/7607652/HĐBĐ.

(4) Thế chấp hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo bổ sung. Đồng thời không được dùng tài sản hình thành từ vốn vay này để thế chấp, cầm cố tại các TCTD khác.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong kỳ như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|---|-----------------------|--------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 48.619.756.861 | 85.110.260.231 | - | (69.418.259.513) | 64.311.757.579 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân là bên liên quan | - | 1.000.000.000 | - | (1.000.000.000) | - |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 5.594.408.930 | - | 2.762.448.456 | (2.831.960.474) | 5.524.896.912 |
| Cộng | 54.214.165.791 | 86.110.260.231 | 2.762.448.456 | (73.250.219.987) | 69.836.654.491 |

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Nợ thuê tài chính | 8.765.785.705 | 8.765.785.705 | 11.528.234.161 | 11.528.234.161 |
| - Công ty cho thuê Tài chính Chailease | 8.765.785.705 | 8.765.785.705 | 11.528.234.161 | 11.528.234.161 |
| Cộng | 8.765.785.705 | 8.765.785.705 | 11.528.234.161 | 11.528.234.161 |

Là khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội cho các tài sản sau:

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(1) Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất giấy có giá trị 7.291.715.840 (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Ngày bắt đầu thuê là 22/02/2019. Thời hạn thuê: 42 tháng. Lãi suất thuê được xác định theo lãi suất thả nổi (bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 1.68%). Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

(2) Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất giấy có giá trị 35.290.717.056 (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Ngày bắt đầu thuê là 04/04/2019. Thời hạn thuê: 47 tháng. Lãi suất thuê được xác định theo lãi suất thả nổi (bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 1.68%). Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

Chi tiết phát sinh vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-------------------|-----------------------|--|----------------------|
| Nợ thuê tài chính | 11.528.234.161 | (2.762.448.456) | 8.765.785.705 |
| Cộng | 11.528.234.161 | (2.762.448.456) | 8.765.785.705 |

17. Quỹ khen thưởng phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------|----------------------|---------------------------------------|-------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 678.344.069 | 727.315.001 | (45.000.000) | 1.360.659.070 |
| Quỹ phúc lợi | 688.609.069 | 727.315.001 | (271.850.000) | 1.144.074.070 |
| Cộng | 1.366.953.138 | 1.454.630.002 | (316.850.000) | 2.504.733.140 |

18. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại tài chính trị giá 897.117.565 VND được phân bổ trong 47 tháng kể từ ngày 04 tháng 04 năm 2019.

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------|----------------------------------|------------------------------|--|------------------------|
| Số đầu năm trước | 180.000.000.000 | 1.443.688.139 | 1.284.932.656 | 182.728.620.795 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 11.141.137.457 | 11.141.137.457 |
| Thù lao hội đồng quản trị | - | - | (288.000.000) | (288.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 180.000.000.000 | 1.443.688.139 | 12.138.070.113 | 193.581.758.252 |
| Số dư đầu năm nay | 180.000.000.000 | 1.443.688.139 | 12.138.070.113 | 193.581.758.252 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | 10.663.914.937 | 10.663.914.937 |
| Trích lập các quỹ | - | 1.454.630.001 | (2.909.260.003) | (1.454.630.002) |
| Số dư cuối kỳ này | 180.000.000.000 | 2.898.318.140 | 19.892.725.047 | 202.791.043.187 |

Nghị quyết đại cổ đông số 01/2020/HHHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2020 quyết định phân phối lợi nhuận hợp nhất năm 2019 như sau:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019

Trích lập quỹ khen thưởng : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019

Trích lập quỹ phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019

Chia cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, tỷ lệ: 6,5%. Tuy nhiên Hội đồng quản trị chưa chốt phương án nên Công ty chưa ghi nhận khoản này vào Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020.

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 18.000.000 | 18.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>18.000.000</i> | <i>18.000.000</i> |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 18.000.000 | 18.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>18.000.000</i> | <i>18.000.000</i> |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ**A, Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 2.981,34 | 3.574,94 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--|--|-----------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Tổng doanh thu | 107.440.330.934 | 94.200.127.278 |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | <i>48.409.457.750</i> | <i>17.246.044.637</i> |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | <i>58.060.477.295</i> | <i>76.072.344.320</i> |
| <i>Doanh thu khác</i> | <i>970.395.889</i> | <i>881.738.321</i> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | - | 31.034.600 |
| <i>Hàng bán bị trả lại</i> | <i>-</i> | <i>31.034.600</i> |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 107.440.330.934 | 94.169.092.678 |

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|-----------------------------------|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Công ty Cổ phần Bao Bi Phương Bắc | 5.923.345.700 | 1.614.061.484 |
| Công ty Cổ phần giấy Từ Châu | 2.774.774.300 | 402.526.000 |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|-------------------------------|--|-----------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 41.777.645.528 | 14.456.137.933 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 51.935.257.570 | 68.277.035.449 |
| Giá vốn khác | 599.968.066 | 519.365.596 |
| Cộng | 94.312.871.164 | 83.252.538.978 |

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi | 71.887.085 | 1.443.645 |
| Lãi đặt cọc | 488.657.534 | - |
| Lãi tiền cho vay | 538.520.548 | 641.489.039 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 3.360.000.000 | 4.320.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 13.905.595 | 2.016.482 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 2.204.964 | - |
| Cộng | 4.475.175.726 | 4.964.949.166 |

4. Chi phí tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 2.940.883.078 | 2.827.655.160 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 267.734.663 | 91.220.358 |
| Cộng | 3.208.617.741 | 2.918.875.518 |

5. Chi phí bán hàng

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 376.970.926 | 377.761.998 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 1.151.516 | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 99.103.032 | 99.103.032 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 259.586.674 | 358.367.171 |
| Các chi phí khác | 8.343.633 | 122.520.091 |
| Cộng | 745.155.781 | 957.752.292 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 451.975.452 | 476.175.332 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 3.272.719 | 14.189.396 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 136.120.338 | 136.120.338 |
| Thuế, phí và lệ phí | 300.905.147 | 273.015.764 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 174.515.795 | 149.025.759 |
| Các chi phí khác | 27.932.630 | 109.827.564 |
| Cộng | 1.094.722.081 | 1.158.354.153 |



ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền bồi thường hàng không đạt chất lượng | 164.859.390 | - |
| Thu nhập khác | - | 3.181.818 |
| Cộng | 164.859.390 | 3.181.818 |

8. Chi phí khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí liên quan đến vụ hỏa hoạn | - | 96.808.368 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 183.284.489 | 113.251.721 |
| Cộng | 183.284.489 | 210.060.089 |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 12.535.714.794 | 10.639.642.632 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (3.176.715.511) | (4.268.737.004) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 183.284.489 | 113.251.721 |
| <i>Phạt chậm nộp, truy thu thuế</i> | <i>183.284.489</i> | <i>113.251.721</i> |
| <i>Lãi chậm nộp bảo hiểm</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | 3.360.000.000 | 4.381.988.725 |
| <i>Lợi nhuận được chia từ công ty con</i> | <i>3.360.000.000</i> | <i>4.320.000.000</i> |
| <i>Lãi thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh</i> | <i>-</i> | <i>61.988.725</i> |
| Thu nhập chịu thuế | 9.358.999.283 | 6.370.905.628 |
| Thu nhập tính thuế | 9.358.999.283 | 6.370.905.628 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 1.871.799.857 | 1.274.181.126 |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 1.871.799.857 | 1.274.181.126 |

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Bù trừ công nợ phải thu - phải trả | 9.307.276.192 | 9.968.774.365 |
| Bù trừ tiền phải thu bán tài sản và phải trả tiền vay thuê tài sản tài chính | - | 21.262.522.249 |
| Bù trừ tiền phải thu bán tài sản và ký quỹ, ký cược dài hạn | - | 1.968.709.295 |
| Bù trừ phải thu bán tài sản và phải trả tiền chi phí lãi thuê tài chính | - | 159.338.537 |
| Bù trừ phải thu bán tài sản và phải trả khác | - | 122.781.004 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các bên liên quan với Công ty gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--------------------------|------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Thủy | Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty |
| Bà Trần Thị Thu Phương | Tổng Giám Đốc Công ty |
| Ông Nguyễn Trần Nhật Đức | Con Bà Trần Thị Thu Phương |

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay |
|--|----------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Thủy | |
| <i>Phải thu tiền lãi đặt cọc</i> | 139.616.439 |
| <i>Thu tiền lãi đặt cọc</i> | 139.616.439 |
| Bà Trần Thị Thu Phương | |
| <i>Vay tiền</i> | 1.000.000.000 |
| <i>Trả tiền vay</i> | 1.000.000.000 |
| Ông Nguyễn Trần Nhật Đức | |
| <i>Phải thu tiền lãi đặt cọc</i> | 244.328.767 |
| <i>Thu tiền lãi đặt cọc</i> | 244.328.767 |
| Trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 273.600.000 |

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm 30/06/2020, Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thuyết minh tại chỉ tiêu V.5a và V.16a

031
ÔN
NHỊ
M
N.T.
ĐA

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------|--|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập từ tiền lương, thưởng | 117.181.511 | 121.474.210 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|--|
| Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng là Giám đốc và Cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc. |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Hoàng Hà | Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Hoàng Hà |
| Công ty Cổ phần giấy Từ Châu | Ông Nguyễn Huy Long Ủy viên Hội đồng quản trị, Cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng là Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Giấy Từ Châu |

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam | | |
| <i>Cho vay tiền</i> | - | 8.100.000.000 |
| <i>Phải thu lãi vay</i> | 538.520.548 | 530.482.190 |
| <i>Thanh toán lãi vay</i> | 538.520.548 | 650.000.000 |
| <i>Phải thu tiền cổ tức lợi nhuận được chia</i> | 3.360.000.000 | 4.320.000.000 |
| <i>Nhận cổ tức lợi nhuận được chia</i> | - | 4.320.000.000 |
| <i>Trả tiền mua hàng</i> | 1.897.723.190 | - |
| Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc | | |
| <i>Phải trả tiền mua nguyên vật liệu</i> | - | 832.501.670 |
| <i>Phải thu tiền bán thành phẩm</i> | 6.515.680.270 | 1.033.096.900 |
| <i>Thu tiền bán thành phẩm</i> | 5.455.381.650 | 708.070.880 |
| <i>Phải thu tiền bán thanh lý tài sản hợp tác kinh doanh</i> | - | 9.350.000.000 |
| <i>Bù trừ công nợ phải trả tiền hợp tác với phải thu tiền thanh lý tài sản</i> | - | 5.050.000.000 |
| <i>Phải thu tiền điện, bảo vệ, hợp tác kinh doanh</i> | 788.426.567 | 742.370.732 |
| <i>Thu tiền điện, bảo vệ, hợp tác kinh doanh</i> | 712.139.272 | 494.076.317 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà | | |
| <i>Phải trả tiền mua hàng</i> | 26.275.963.450 | - |
| <i>Trả tiền mua hàng</i> | 22.309.724.800 | - |
| <i>Bù trừ công nợ phải thu phải trả</i> | 63.641.280 | - |

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|-------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần giấy Từ Châu | | |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | 3.052.251.730 | 442.778.600 |
| <i>Thu tiền bán hàng</i> | 1.999.432.300 | - |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.3, V.5a, V.8 và V.11.

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 871.104.553 | 4.358.770.697 | 871.104.553 | 4.358.770.697 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 3.185.000.000 | 1.100.000.000 | 3.185.000.000 | 1.100.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 56.548.921.803 | 41.080.097.472 | 56.548.921.803 | 41.080.097.472 |
| Các khoản cho vay | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 53.011.635.630 | 51.703.174.670 | 53.011.635.630 | 51.703.174.670 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 62.600.000.000 | 62.600.000.000 | 62.600.000.000 | 62.600.000.000 |
| Cộng | 188.216.661.986 | 172.842.042.839 | 188.216.661.986 | 172.842.042.839 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 78.602.440.196 | 65.742.399.952 | 78.602.440.196 | 65.742.399.952 |
| Phải trả người bán | 19.031.783.648 | 16.682.606.280 | 19.031.783.648 | 16.682.606.280 |
| Các khoản phải trả khác | 811.055.854 | 822.488.617 | 811.055.854 | 822.488.617 |
| Cộng | 98.445.279.698 | 83.247.494.849 | 98.445.279.698 | 83.247.494.849 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay và nợ | 69.836.654.491 | 8.765.785.705 | - | 78.602.440.196 |
| Phải trả người bán | 19.031.783.648 | - | - | 19.031.783.648 |
| Các khoản phải trả khác | 811.055.854 | - | - | 811.055.854 |
| Cộng | 89.679.493.993 | 8.765.785.705 | - | 98.445.279.698 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 54.214.165.791 | 11.528.234.161 | - | 65.742.399.952 |
| Phải trả người bán | 16.682.606.280 | - | - | 16.682.606.280 |
| Các khoản phải trả khác | 822.488.617 | - | - | 822.488.617 |
| Cộng | 71.719.260.688 | 11.528.234.161 | - | 83.247.494.849 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

ÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 12 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hương

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Phương